

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tấn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Trần Quang Đông

2. Bà Dương Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng N**

Trụ sở chính: Số M, Đường T, Phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Quang D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Công M – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – Chi nhánh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền số: 02/UQ-VLO-HCNS, ngày 06/01/2022 (có mặt)

**- Bị đơn: Công ty D.**

Trụ sở: Tổ M, ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Nguyệt Tuyết N – Chức vụ: Giám đốc Công ty D. (vắng mặt)

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- + Nguyễn Nguyệt Tuyết N; địa chỉ số B, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)
- + Đỗ Thanh H; địa chỉ số B, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2021 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/11/2021 của Ngân hàng N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Công M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do nhu cầu vay vốn của Công ty D (gọi tắt là công ty D), nên Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt là Ngân hàng N) có thỏa thuận cho công ty D vay theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 443/HĐTD-VLO.KH, ngày 13/9/2019, số tiền cho vay 1.300.000.000đ; mục đích sử dụng vốn vay là mua xe ô tô tải mới 100% phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn cho vay là 60 tháng.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 205/HĐTD-VLO.KH, ngày 18/9/2020, hạn mức cho vay 2.100.000.000đ; mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.

Tổng số tiền Ngân hàng N đã giải ngân cho công ty D theo 2 Hợp đồng trên bằng 3.400.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) theo các Giấy nhận nợ số 01 ngày 13/9/2019; Giấy nhận nợ số 01 và 02 cùng ngày 18/9/2020; Giấy nhận nợ số 03 ngày 23/9/2020 và Giấy nhận nợ số 04 ngày 25/9/2020.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên, Ngân hàng có nhận thế chấp tài sản theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 388/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất CQ 989625 thuộc thửa 561, tờ bản đồ số 23, diện tích 202,4m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10561, ngày 10/9/2019 và đăng ký thế chấp ngày 11/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 390/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019. Tài sản thế chấp gồm cửa hàng xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất số CP 916543, thuộc thửa 562, tờ bản đồ số 23, diện tích 836,9m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10562, ngày 10/9/2019 và đăng ký thế chấp ngày 11/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: **413/HĐTC-VLO.KH**, ngày 13/9/2019. Tài sản thế chấp gồm 01 xe ô tô con nhãn hiệu HINO, biển số: 64C-079.53 do Công ty D đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10777, ngày 13/9/2019 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 13/9/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, công ty D đã thanh toán được một phần tiền gốc và lãi thì ngưng không thanh toán nữa; nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Tính đến ngày hôm nay (30/3/2022) công ty D còn nợ các khoản gồm tiền nợ gốc 3.104.951.000đ; tiền lãi trong hạn 312.832.000đ và lãi quá hạn 94.387.000đ. Tổng cộng bằng 3.512.170.000đ. Do công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên ông Minh đại diện cho nguyên đơn yêu cầu công ty D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.512.170.000đ. Trường hợp công ty D không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn; nguyên đơn được quyền tiếp tục tính lãi như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

**Bị đơn Công ty D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H** đều không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo phát luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử **đảm bảo** đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì chưa chấp hành nghiêm túc.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 3.512.170.000đ. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy nguyên và bị đơn đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; việc ký kết hợp đồng đều nhằm mục đích lợi nhuận, ngoài ra, giữa nguyên và bị đơn có thỏa thuận Tòa án nơi Chi nhánh của nguyên đơn có trụ sở để giải quyết khi có tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án dân sự, tranh chấp về kinh doanh thương mại “*Hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho bị đơn Công ty D; bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 443/HĐTD-VLO.KH, ngày 13/9/2019; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 205/HĐTD-VLO.KH, ngày 18/9/2020 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Vĩnh Long với Công ty D, xét về hình thức và nội dung phù hợp pháp luật, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, nên có giá trị thi hành đối với các bên tham gia giao dịch. Căn cứ vào các Giấy nhận nợ và Ủy nhiệm chi cho thấy công ty D có nhận tiền của Ngân hàng N là có thật, tính đến ngày 30/3/2022, công ty D còn nợ gốc bằng 3.104.950.803đ và lãi 407.219.000đ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định công ty D còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc, lãi bằng 3.512.170.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã thông báo nhắc nhở nhiều lần để trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, các Hợp đồng thế chấp số: 388/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019; số: 390/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019 và số: 413/HĐTC-VLO.KH, ngày 13/9/2019 đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì các Hợp đồng thế chấp đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 119 của Bộ luật Dân sự và Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017, cho nên, các Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp của bị đơn được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 102.243.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án](#).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; và khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án](#). Tuyên xử:

#### **1. Về nội dung**

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng N](#).

Buộc [Công ty D](#) có nghĩa vụ hoàn trả cho [Ngân hàng N](#) các khoản tiền **gồm:**

- Tiền gốc: 3.104.951.000đ (Ba tỷ một trăm lẻ bốn triệu chín trăm năm mươi một ngàn đồng).

- Tiền lãi: 407.219.000đ (Bốn trăm lẻ bảy triệu hai trăm mười chín ngàn đồng)

Tổng cộng làm tròn bằng: 3.512.170.000đ (Ba tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng). Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.



Trường hợp Công ty D không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 388/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10561, ngày 10/9/2019 và đăng ký thế chấp ngày 11/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 390/HĐTC-VLO.KH, ngày 10/9/2019, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10562, ngày 10/9/2019 và đăng ký thế chấp ngày 11/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 413/HĐTC-VLO.KH, ngày 13/9/2019, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 10777, ngày 13/9/2019 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 13/9/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Về án phí và chi phí tố tụng khác**

### **2.1. Về án phí**

Buộc Công ty D chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch bằng 102.243.000đ (Một trăm lẻ hai triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 48.867.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000894, ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

### **2.2. Về chi phí tố tụng khác**

Buộc Công ty D nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

## **3. Nghĩa vụ thi hành án**

### **3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 443/HĐTD-VLO.KH, ngày 13/9/2019 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 205/HĐTD-VLO.KH, ngày 18/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

### **3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4. Báo cho các đương sự có mặt** biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)  
Võ Tấn Thành**

